

Số: /2026/QĐ-UBND

Khánh Hòa, ngày tháng năm 2026

DỰ THẢO

QUYẾT ĐỊNH

Quy định áp dụng hệ số K, các hệ số K thành phần và số lần tạm ứng, tỷ lệ tạm ứng tiền dịch vụ môi trường rừng trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường số 146/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 42/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực Lâm nghiệp và Kiểm lâm;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số/TTr-SNNMT ngày.....tháng 6 năm 2026; Báo cáo thẩm định số...../BC-STP ngày.....tháng ... năm 2026 của Sở Tư pháp;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định quy định áp dụng hệ số K, các hệ số K thành phần và số lần tạm ứng, tỷ lệ tạm ứng tiền dịch vụ môi trường rừng trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định áp dụng hệ số K, các hệ số K thành phần cho từng lô rừng, làm cơ sở để tính toán mức chi trả dịch vụ môi trường rừng cho bên cung ứng dịch vụ môi trường rừng, điều tiết tiền dịch vụ môi trường rừng, xác định số tiền chi trả cho bên nhận khoán bảo vệ rừng từ nguồn tiền dịch vụ môi trường rừng và số lần tạm ứng, tỷ lệ tạm ứng tiền dịch vụ môi trường rừng của bên cung ứng dịch vụ môi trường rừng trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

2. Đối tượng áp dụng

Cơ quan nhà nước, đơn vị, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư có liên quan đến hoạt động dịch vụ môi trường rừng trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

Điều 2. Quy định áp dụng hệ số K, các hệ số K thành phần

1. Hệ số K được xác định cho từng lô rừng

Hệ số K bằng tích số của 04 (bốn) hệ số K thành phần.

$$K = K_1 \times K_2 \times K_3 \times K_4.$$

2. Các hệ số K thành phần

a) Hệ số K_1 điều chỉnh mức chi trả dịch vụ môi trường rừng theo trữ lượng rừng. Giá trị hệ số K_1 áp dụng theo quy định điểm b khoản 2 Mục III Phụ lục VII ban hành kèm theo Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp (sau đây gọi tắt là Nghị định số 91/2024/NĐ-CP).

b) Hệ số K_2 điều chỉnh mức chi trả dịch vụ môi trường rừng theo mục đích sử dụng rừng được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, gồm rừng đặc dụng, rừng phòng hộ và rừng sản xuất. Giá trị hệ số K_2 áp dụng theo quy định điểm b khoản 2 Mục III Phụ lục VII ban hành kèm theo Nghị định số 91/2024/NĐ-CP.

c) Hệ số K_3 điều chỉnh mức chi trả dịch vụ môi trường rừng theo nguồn gốc hình thành rừng, gồm rừng tự nhiên và rừng trồng. Giá trị hệ số K_3 áp dụng theo quy định điểm b khoản 2 Mục III Phụ lục VII ban hành kèm theo Nghị định số 91/2024/NĐ-CP.

d) Hệ số K_4 điều chỉnh mức chi trả dịch vụ môi trường rừng theo mức độ khó khăn được quy định đối với diện tích cung ứng dịch vụ môi trường rừng nằm trên địa bàn các xã khu vực I, II, III theo quy định của Thủ tướng Chính phủ. Giá trị hệ số K_4 áp dụng theo quy định điểm b khoản 2 Mục III Phụ lục VII ban hành kèm theo Nghị định số 91/2024/NĐ-CP.

Điều 3. Quy định số lần tạm ứng, tỷ lệ tạm ứng tiền dịch vụ môi trường rừng

Căn cứ Kế hoạch Tài chính hằng năm của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Khánh Hòa được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Khánh Hòa tạm ứng tiền dịch vụ môi trường rừng cho bên cung ứng dịch vụ môi trường rừng. Số lần tạm ứng tối đa 03 lần/năm, thời điểm từng lần tạm ứng vào các quý II, III, IV. Tổng số tiền tạm ứng không vượt quá 80% số tiền thực thu sau khi trích kinh phí quản lý của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Khánh Hòa và kinh phí dự phòng theo quy định.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Giao cho Sở Nông nghiệp và Môi trường

a) Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành, địa phương và đơn vị liên quan tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quyết định này.

b) Chỉ đạo các cơ quan, tổ chức liên quan phối hợp với Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Khánh Hòa xác định hệ số K của các lô rừng khi có sự thay đổi về trữ lượng, mục đích sử dụng, nguồn gốc hình thành và mức độ khó khăn.

2. Giao cho Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Khánh Hòa

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan triển khai, hướng dẫn bên cung ứng dịch vụ môi trường rừng trong việc xác định hệ số K của các lô rừng khi có sự thay đổi về trữ lượng, mục đích sử dụng, nguồn gốc hình thành và mức độ khó khăn.

b) Căn cứ hệ số K, các hệ số K thành phần được quy định tại Quyết định này để chủ trì, phối hợp với cơ quan, đơn vị liên quan, bên cung ứng và bên sử dụng dịch vụ môi trường rừng xác định số tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng hằng năm bảo đảm chính xác, công khai, minh bạch, đúng đối tượng, đúng quy định.

c) Căn cứ số tiền dịch vụ môi trường rừng thực thu sau khi trích các khoản kinh phí theo quy định, có văn bản xác định cụ thể thời gian, số tiền tạm ứng cho từng bên cung ứng dịch vụ môi trường rừng và hướng dẫn thủ tục tạm ứng theo quy định. Thực hiện chi tạm ứng tiền dịch vụ môi trường rừng theo thời điểm, số lần, tỷ lệ tạm ứng được quy định tại Quyết định này.

d) Trường hợp trong quá trình thực hiện Quyết định này, việc áp dụng hệ số K, các hệ số K thành phần, số lần tạm ứng và tỷ lệ tạm ứng tiền dịch vụ môi trường rừng trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa không còn phù hợp với tình hình thực tế hoặc quy định của pháp luật có liên quan được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Khánh Hòa có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo Sở Nông nghiệp và Môi trường để tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế Quyết định này cho phù hợp với quy định của pháp luật và tình hình thực tế.

3. Giao cho bên cung ứng dịch vụ môi trường rừng là tổ chức do Nhà nước thành lập

a) Phối hợp với Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Khánh Hòa thực hiện các nội dung quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 4 Quyết định này.

b) Trường hợp có thực hiện giao khoán bảo vệ rừng từ nguồn tiền dịch vụ môi trường rừng, chịu trách nhiệm áp dụng hệ số K, các hệ số K thành phần trong chi trả tiền cho các đối tượng nhận khoán bảo vệ rừng đúng theo quy định.

Điều 5. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày tháng năm 2026.

2. Quyết định số 36/2025/QĐ-UBND ngày 19 tháng 3 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận quy định áp dụng hệ số K, các hệ số K thành phần trong dịch vụ môi trường rừng trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở; Thủ trưởng các ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Vụ Pháp chế - Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Cục Kiểm tra văn bản và QLXLVPHC - Bộ Tư pháp;
- Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng Việt Nam;
- TT: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Cơ quan Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- TT: Đảng ủy, HĐND các xã, phường, đặc khu;
- TT Công báo và Công TTĐT tỉnh;
- VPUB: LĐVP, các phòng, ban, trung tâm;
- Lưu: VT,...

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**